

**BÁO CÁO**  
**Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán**  
**ngân sách thị xã năm 2022**

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 136/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân thị xã Duyên Hải về việc phê chuẩn dự toán ngân sách, phân bổ nhiệm vụ thu chi ngân sách thị xã Duyên Hải năm 2022;

Thực hiện Quyết định số 4081/QĐ-UBND ngày 17/12/2021 của Ủy ban nhân dân thị xã Duyên Hải về việc giao chỉ tiêu kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Ủy ban nhân dân thị xã báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã năm 2022, cụ thể như sau:

**I. Thu ngân sách:**

\* **Tổng thu NSNN năm 2022: 534.467** triệu đồng, trong đó:

**1/. Thu nội địa: 109.105** triệu đồng, cụ thể:

- Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước: **88** triệu đồng, đạt 65,60% so với cùng kỳ năm trước;

- Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh: thực hiện **56.080** triệu đồng, đạt 135,13% so với dự toán năm 2022, đạt 104,47% so với cùng kỳ năm trước;

- Thuế thu nhập cá nhân: thực hiện **14.807** triệu đồng, đạt 148,07% so với dự toán năm 2022, đạt 128,06% so với cùng kỳ năm trước;



- Lệ phí trước bạ: thực hiện **18.028** triệu đồng, đạt 192,61% so với dự toán năm 2022, đạt 141,02% so với cùng kỳ năm trước;

- Phí, lệ phí: thực hiện **3.280** triệu đồng, đạt 93,71% so với dự toán năm 2022, đạt 294,42% so với cùng kỳ năm trước;

- Các khoản thu về nhà đất: **17.578** triệu đồng, đạt 147,72% so với dự toán năm 2022, đạt 134,17% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: thực hiện **404** triệu đồng, đạt 100,97% so với dự toán năm 2022, đạt 127,81% so với cùng kỳ năm trước;

+ Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước: thực hiện **75** triệu đồng;

+ Thu tiền sử dụng đất: thực hiện **16.545** triệu đồng, đạt 150,41% so với dự toán năm 2022, đạt 142,53% so với cùng kỳ năm trước.

- Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển: Thoái thu **2.349** triệu đồng;

- Thu khác ngân sách: thực hiện **1.593** triệu đồng, đạt 61,27% so với dự toán năm 2022, đạt 55,16% so với cùng kỳ năm trước;

**2/. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 275.213** triệu đồng.

**3/. Thu ngân sách cấp dưới nộp lên: 2.151** triệu đồng.

**4/. Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang: 57.808** triệu đồng.

**5/. Thu kết dư ngân sách: 90.190** triệu đồng.

## **II. Chi ngân sách:**

**Tổng chi ngân sách thị xã năm 2022: 340.963** triệu đồng, trong đó:

**1. Chi đầu tư phát triển:** thực hiện **80.367** triệu đồng, đạt 164,35% so với dự toán năm 2022, đạt 76,95% so với cùng kỳ năm trước;

**2. Chi thường xuyên:** thực hiện **192.463** triệu đồng, đạt 92,34% so với dự toán năm 2022, đạt 77,85% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề: thực hiện **84.023** triệu đồng, đạt 87,38% so với dự toán năm 2022, đạt 105,61% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi sự nghiệp văn hóa và thông tin: thực hiện **3.243** triệu đồng, đạt 166,65% so với dự toán năm 2022, đạt 91,84% so với cùng kỳ năm trước.

- Chi thể dục thể thao: thực hiện **578** triệu đồng, đạt 149,79% so với dự toán năm 2022, đạt 489,98% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi bảo vệ môi trường: thực hiện **3.214** triệu đồng, đạt 60,12% so với dự toán năm 2022, đạt 148,12% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi hoạt động kinh tế: thực hiện **21.044** triệu đồng, đạt 67,3% so với dự toán năm 2022, đạt 71,34% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi khoa học công nghệ: thực hiện 476 triệu đồng, đạt 47,60% so với dự toán năm 2022;

- Chi hoạt động của các cơ quan quản lý Nhà nước, Đảng, Đoàn thể: thực hiện 66.463 triệu đồng, đạt 116,18% so với dự toán năm 2022, đạt 80,49% so với cùng kỳ năm trước;

- Chi đảm bảo xã hội: thực hiện 13.422 triệu đồng, đạt 91,84% so với dự toán năm 2022, đạt 37,03% so với cùng kỳ năm trước;

**3. Chi an ninh quốc phòng:** thực hiện 11.541 triệu đồng, đạt 117,44% so với dự toán năm 2022, trong đó:

- Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội: thực hiện 3.748 triệu đồng, đạt 109,62% so với dự toán năm 2022;

- Chi quốc phòng: thực hiện 7.793 triệu đồng, đạt 121,61% so với dự toán năm 2022.

**4. Các khoản chi khác theo quy định pháp luật:** thực hiện 2.071 triệu đồng, đạt 22,01% so với dự toán năm 2022.

**5. Chi nộp ngân sách cấp trên:** thực hiện 27.246 triệu đồng.

**6. Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới:** thực hiện 27.275 triệu đồng.

### III/. Đánh giá chung:

Nhìn chung trong năm 2022, tổng thu ngân sách thị xã đạt 174,66%, tổng chi đạt 111,42% so với dự toán năm 2022. UBND thị xã Duyên Hải chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu điều hành ngân sách phục vụ tốt nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, phục vụ hoạt động của các ngành, các cơ quan đơn vị và Ủy ban nhân dân các xã, phường, đáp ứng đầy đủ các khoản chi thường xuyên đảm bảo hoạt động cho đơn vị như chi lương, phụ cấp và các khoản đóng góp, các chế độ chính sách, các khoản chi thiết yếu khác theo dự toán được giao, kịp thời bổ sung các khoản chi cần thiết không có trong dự toán để đảm bảo cho các đơn vị hoàn thành tốt hoạt động của đơn vị mình.

Trên đây là báo cáo công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách thị xã năm 2022 (chi tiết theo Biểu số 93,94,95/CK-NSNN kèm theo)./.

#### Nơi nhận:

- TT HĐND&UBND;
- Chủ tịch;
- Các Phó Chủ tịch;
- Phòng TC-KH thị xã;
- Lưu:VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH *Linh*

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



*Nguyễn Văn Linh*

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 21 /BC-UBND ngày 13 / 01/2023 của UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1	4
<b>A</b>	<b>TỔNG NGUỒN THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>306.004</b>	<b>534.467</b>	<b>174,66</b>	<b>95,43</b>
<b>I</b>	<b>Thu cân đối NSNN</b>	<b>81.000</b>	<b>109.105</b>	<b>134,70</b>	<b>114,52</b>
1	Thu nội địa	81.000	109.105	134,70	114,52
2	Thu viện trợ				
<b>II</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>57.808</b>		<b>90,08</b>
<b>III</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>225.004</b>	<b>275.213</b>	<b>122,31</b>	<b>87,11</b>
<b>IV</b>	<b>Thu NS cấp dưới nộp NS cấp trên</b>		<b>2.151</b>		<b>128,17</b>
<b>V</b>	<b>Thu kết dư ngân sách</b>		<b>90.190</b>		<b>108,63</b>
<b>B</b>	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>306.004</b>	<b>340.963</b>	<b>111,42</b>	<b>83,95</b>
<b>I</b>	<b>Tổng chi cân đối ngân sách thị xã</b>	<b>306.004</b>	<b>340.963</b>	<b>111,42</b>	<b>83,95</b>
1	Chi đầu tư phát triển	48.900	80.367	164,35	76,95
2	Chi thường xuyên	208.429	206.075	98,87	83,35
3	Dự phòng ngân sách	5.662		-	
4	Chi nộp NS cấp trên	-	27.246		<b>182,85</b>
5	Chi bổ sung cho NS cấp dưới	42.721	27.275	63,84	68,94
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu từ NS cấp tỉnh</b>	<b>-</b>			



ỦY BAN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ DUYÊN HẢI

Biểu số 94/CK-NSNN

**THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 21 /BC-UBND ngày 13 / 01/2023 của UBND thị xã Duyn Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
<b>A</b>	<b>TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN</b>	<b>306.004</b>	<b>534.467</b>	<b>174,66</b>	<b>95,43</b>
<b>I</b>	<b>Thu nội địa</b>	<b>81.000</b>	<b>109.105</b>	<b>134,70</b>	<b>114,52</b>
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước		88		65,60
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	41.500	56.080	135,13	104,47
4	Thuế thu nhập cá nhân	10.000	14.807	148,07	128,06
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Lệ phí trước bạ	9.360	18.028	192,61	141,02
7	Thu phí, lệ phí	3.500	3.280	93,71	294,42
8	Các khoản thu về nhà, đất	11.900	17.578	147,72	134,17
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
-	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	400	404	100,97	127,81
-	Thu tiền sử dụng đất	11.000	16.545	150,41	142,53
-	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		75		10,76
-	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	500	555	111,03	114,93
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, vùng trời, vùng biển		(2.349)		
10	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
11	Thu khác ngân sách	2.600	1.593	61,27	55,16
12	Lệ phí trước bạ nhà, đất	2.140		-	
<b>II</b>	<b>Thu viện trợ</b>				
<b>III</b>	<b>Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang</b>		<b>57.808</b>		<b>90,08</b>
<b>IV</b>	<b>Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</b>	<b>225.004</b>	<b>275.213</b>	<b>122,31</b>	<b>87,11</b>
<b>V</b>	<b>Thu NS cấp dưới nộp lên</b>		<b>2.151</b>		<b>128,17</b>
<b>VI</b>	<b>Thu kết dư</b>		<b>90.190</b>		<b>108,63</b>
<b>B</b>	<b>THU NGÂN SÁCH THỊ XÃ ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP</b>	<b>81.000</b>	<b>109.105</b>	<b>134,70</b>	
1	Từ các khoản thu phân chia	46.570	54.635	117,32	
2	Các khoản thu ngân sách thị xã được hưởng 100%	34.430	54.470	158,21	

**THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ NĂM 2022**

(Kèm theo Báo cáo số 21 /BC-UBND ngày 19 / 01/2023 của UBND thị xã Duyên Hải)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm 2022	So sánh ước thực hiện với (%)	
				Dự toán năm	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2/1*100	4
	<b>TỔNG CHI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>306.004</b>	<b>340.963</b>	<b>111,42</b>	<b>83,95</b>
<b>A</b>	<b>CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THỊ XÃ</b>	<b>306.004</b>	<b>340.963</b>	<b>111,42</b>	<b>83,95</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>48.900</b>	<b>80.367</b>	164,35	76,95
1	Chi đầu tư phát triển	48.900	80.367	164,35	76,95
2	Chi đầu tư phát triển khác		-		
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>208.429</b>	<b>192.463</b>	<b>92,34</b>	<b>77,85</b>
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	96.158	84.023	87,38	105,61
2	Chi khoa học và công nghệ	1.000	476	47,60	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	509		-	
4	Chi văn hóa thông tin	1.946	3.243	166,65	91,84
5	Chi phát thanh, truyền hình	-			
6	Chi thể dục thể thao	386	578	149,79	489,98
7	Chi bảo vệ môi trường	5.346	3.214	60,12	148,12
8	Chi hoạt động kinh tế	31.262	21.044	67,31	71,34
9	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	57.208	66.463	116,18	80,49
10	Chi bảo đảm xã hội	14.614	13.422	91,84	37,03
<b>III</b>	<b>Chi an ninh quốc phòng</b>	<b>9.827</b>	<b>11.541</b>	<b>117,44</b>	
1	Chi quốc phòng	6.408	7.793	121,61	
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	3.419	3.748	109,62	
<b>IV</b>	<b>Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật</b>	<b>9.408</b>	<b>2.071</b>	22,01	
<b>V</b>	<b>Dự phòng ngân sách</b>	<b>5.662</b>		-	
<b>VI</b>	<b>Chi nộp ngân sách cấp trên</b>		<b>27.246</b>		<b>182,85</b>
<b>VII</b>	<b>Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới</b>		<b>27.275</b>		<b>68,94</b>
<b>B</b>	<b>CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TRÊN</b>				
1	Chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư				
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên				